VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – ngày 16/04/2021)

Tỉnh/ TP	Huyện	Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm)								
		16/04		17/04				18/04		
		13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Quảng Ninh	Đầm Hà	-23	125	40	-106	-50	121	79	-100	-48
	Cửa Ông	-25	116	40	-92	-50	109	68	-88	-50
TP. Hải Phòng	Hòn Dáu	-23	112	35	-88	-50	112	63	-77	-52
	Bạch Long Vĩ	-8	111	19	-89	-36	112	43	-81	-39
Thái Bình	Thái Thụy	-23	109	32	-82	-50	109	59	-71	-50
Nam Định	Hải Hậu	-16	100	28	-74	-42	102	50	-61	-46
Ninh Bình	Kim Sơn	-16	97	29	-73	-42	100	50	-59	-46
Thanh Hóa	Quảng Xương	-17	94	30	-67	-42	96	47	-52	-46
Nghệ An	Diễn Châu	-13	84	30	-54	-38	86	43	-38	-43
	Hòn Ngư	-12	82	28	-52	-37	82	39	-38	-41
Hà Tĩnh	Thạch Hà	-12	70	27	-44	-35	72	35	-29	-40
Quảng Bình	Quảng Trạch	1	43	27	-34	-19	44	27	-17	-19
	Quảng Ninh	8	25	25	-25	-7	27	20	-8	-5
Quảng Trị	Gio Linh	19	9	19	-18	6	13	13	-1	8
	Còn Cỏ	21	10	16	-21	10	15	10	-5	12
Thừa Thiên Huế	Hương Trà	26	-8	11	-10	19	-4	4	5	22
	Phú Lộc	31	-21	5	-3	29	-17	-3	11	33
TP. Đà Nẵng	Sơn Trà	34	-31	1	2	36	-26	-9	15	45
	Hoàng Sa	47	-39	-16	8	54	-35	-27	10	62
Quảng Nam	Tam Kỳ	39	-40	-7	9	46	-37	-15	19	57
	Cù Lao Chàm	39	-36	-4	6	44	-33	-13	17	54
Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	46	-46	-11	11	52	-43	-22	18	64
	Lý Sơn	45	-43	-11	10	53	-40	-21	17	64
Bình Định	Phú Mỹ	47	-48	-11	13	55	-43	-23	17	63
	Quy Nhơn	48	-49	-12	12	55	-45	-26	18	63
Phú Yên	Tp. Tuy Hòa	45	-51	-18	9	52	-46	-31	12	58
Khánh Hòa	TP. Nha Trang	53	-43	-14	13	60	-39	-29	15	63
	Trường Sa	54	-41	-21	11	61	-36	-35	11	66
Ninh Thuận	TP. PR-Tháp Chàm	56	-48	-18	7	59	-43	-35	11	64
Bình Thuận	TP. Phan Thiết	53	-35	-47	29	55	-23	-71	33	56
	Phú Quý	57	-45	-24	13	62	-38	-41	14	66
Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	16	31	-122	76	27	38	-139	65	43
	Côn Đảo	13	50	-135	68	21	60	-148	55	37
TPHCM	Cần Giờ	9	42	-130	83	22	49	-146	69	40
Tiền Giang	Gò Công Tây	4	47	-136	88	18	56	-152	75	35
Bến Tre	Ba Tri	-1	54	-144	91	11	64	-160	79	29
Trà Vinh	Duyên Hải	-2	62	-155	92	9	71	-168	77	30
Sóc Trăng	Tân Phú	-8	75	-159	87	5	86	-167	68	25
Bạc Liêu	TP. Bạc Liêu	-9	87	-154	64	6	95	-156	41	26
Cà Mau	Năm Căn	9	79	-120	24	17	85	-121	5	34
	Trần Văn Thời	12	49	-48	-1	0	50	-48	-8	11
Kiên Giang	Rạch Giá	18	32	-13	5	-9	37	-10	0	-7
	Phú Quốc	4	22	13	-19	-14	16	14	-20	-8
	Thổ Chu	8	17	7	-16	-6	10	6	-18	0

Vùng Biển	Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ		
	Độ cao sóng lớn nhất (m)	**Hướng thịnh hành**	**Ghi chú**
Bắc vịnh Bắc Bộ	0.3 - 1.0	Đông Nam, Nam, Đông	
Nam vịnh Bắc Bộ	0.5 - 1.0	Đông Nam, Đông	
Quảng Trị đến Quảng Ngãi	0.5 - 1.0	Đông, Đông Nam	
Bình Định đến Ninh Thuận	0.4 - 0.6	Đông Bắc, Đông Nam, Đông	
Bình Thuận đến Cà Mau	0.3 - 0.5	Nam, Đông Nam	
Cà Mau đến Kiên Giang	0.3 - 0.5	Tây Nam, Nam	
Quần đảo Hoàng Sa	0.6 - 0.8	Đông Nam, Đông	
Quần đảo Trường Sa	0.3 - 0.8	Bắc, Đông Bắc	
Bắc Biển Đông	0.6 - 3.6	Đông Bắc, Đông	Cảnh báo
Giữa Biển Đông	0.4 - 1.0	Đông Bắc, Bắc	
Nam Biển Đông	0.3 - 1.2	Bắc, Đông Bắc	

Tin phát lúc: **13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 17/04/2021

Người xây dựng bản tin: Nguyễn Thị Lan
Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn

(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)

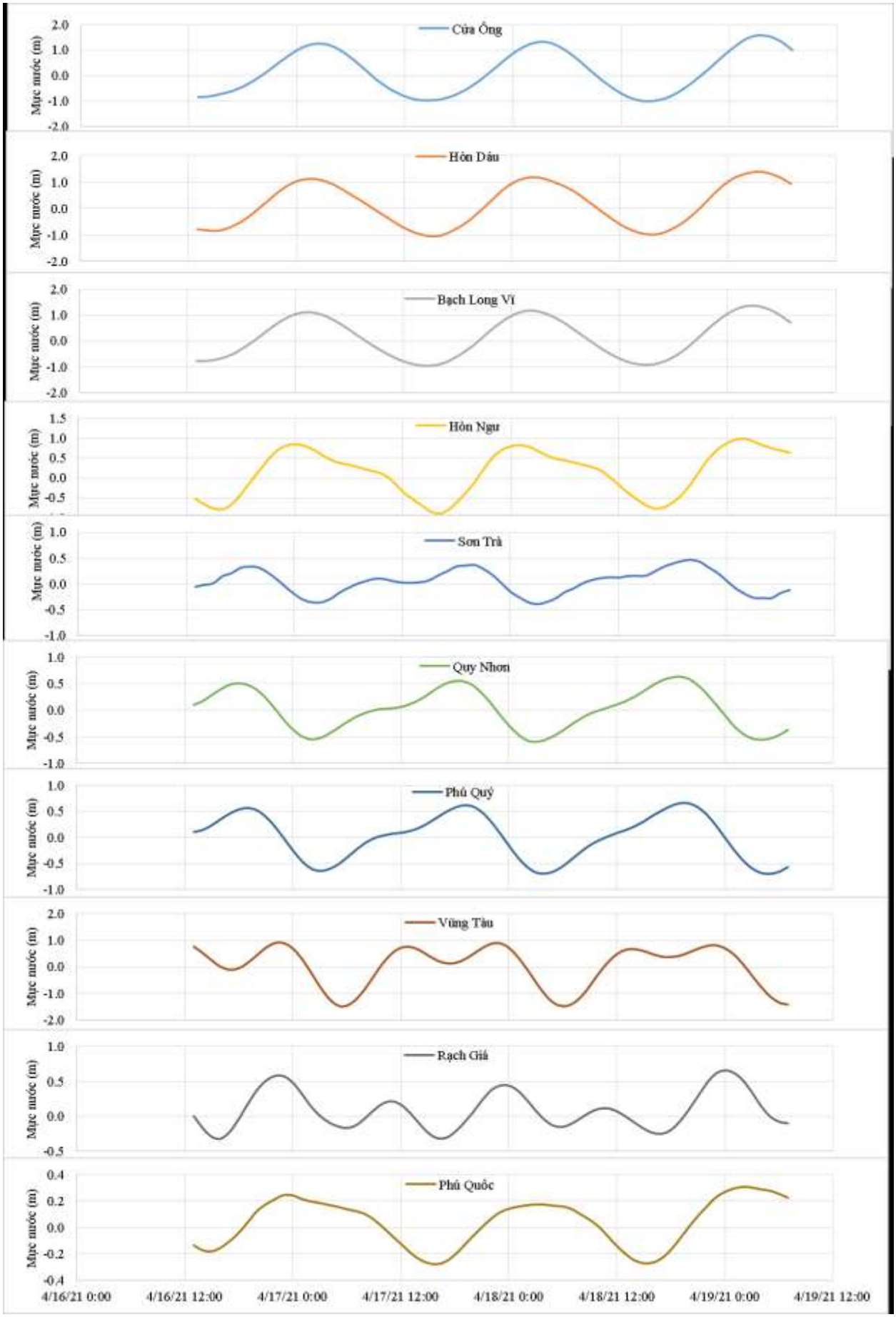

Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

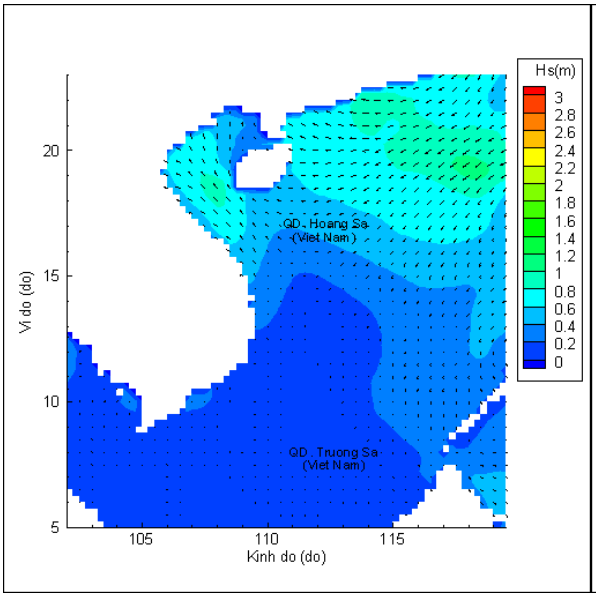

Lúc 13h ngày 16/04/2021

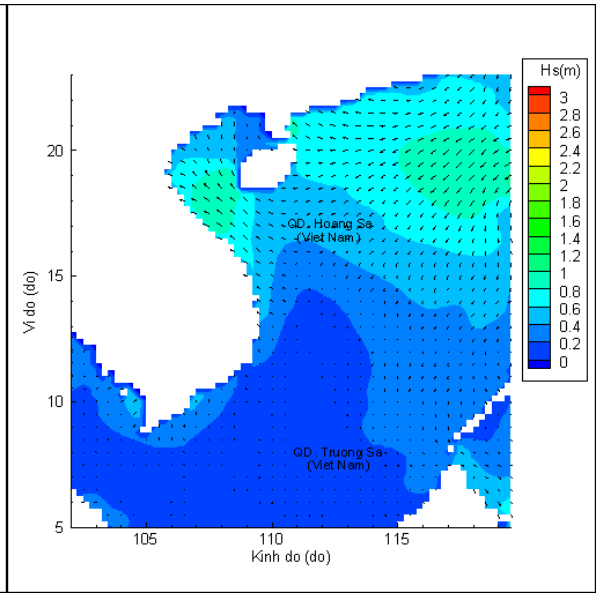

Lúc 19h ngày 16/04/2021

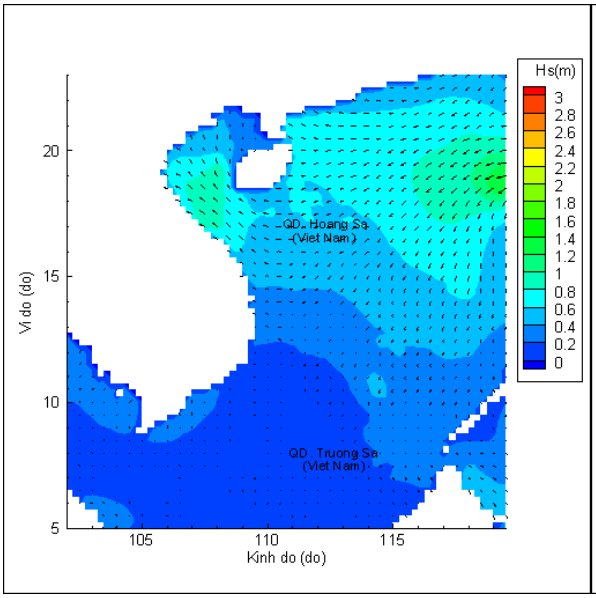

Lúc 01h ngày 17/04/2021

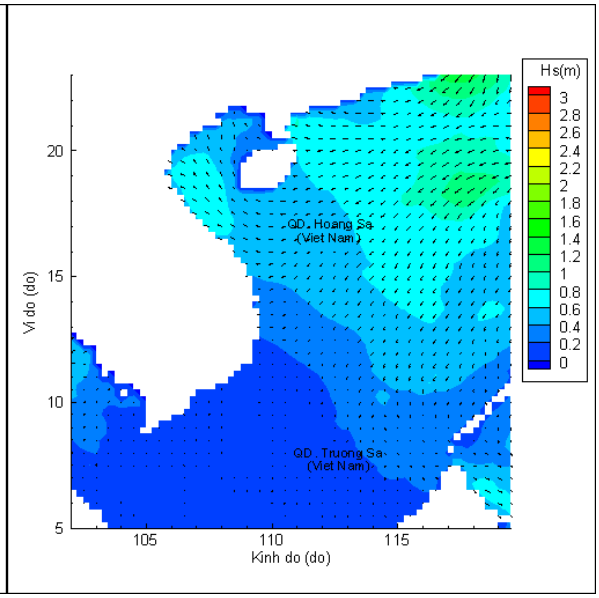

Lúc 13h ngày 17/04/2021

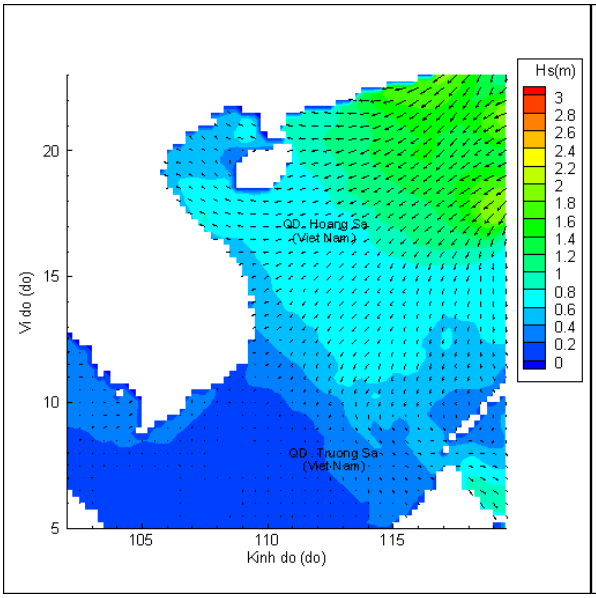

Lúc 01h ngày 18/04/2021

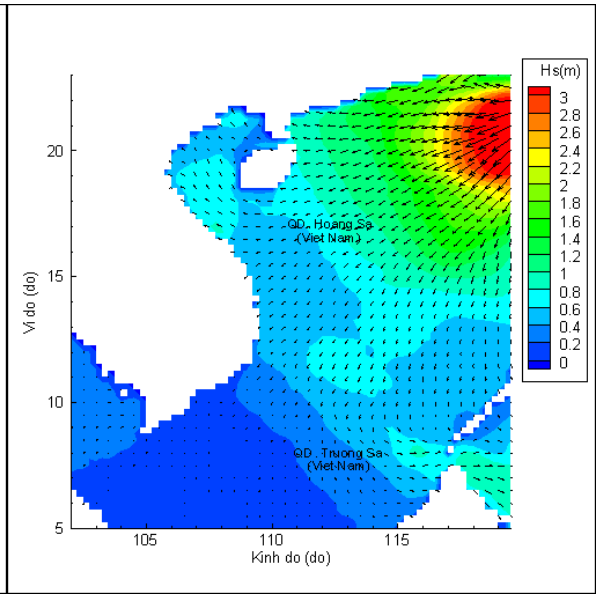

Lúc 13h ngày 18/04/2021